

QUẢN TRỊ QUỐC GIA NHẪM BẢO ĐẢM CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

PGS. TS. NGÔ HUY CƯƠNG

Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Quản trị quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; Kỷ nguyên mới.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phân biện: 19/11/2025

Duyệt đăng : 21/11/2025

Tóm tắt:

Đứng trước yêu cầu quản trị quốc gia trong Kỷ nguyên mới (kỷ nguyên vươn mình của dân tộc), bài viết luận giải những đòi hỏi về một mô hình quản trị quốc gia khoa học, thích hợp và hiệu lực, hiệu quả xuất phát từ những chủ trương lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển trong vòng hai thập kỷ tới; trên cơ sở đó, tác giả kiến nghị về một mô hình quản trị quốc gia kết hợp giữa các yếu tố của quản trị quốc gia theo truyền thống xã hội chủ nghĩa, “Nhà nước kiến tạo phát triển” và “quản trị quốc gia điều tiết” để áp dụng cho Việt Nam.

Article Information:

Keywords: National governance; private economic development; New Era.

Article History:

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 21 Nov. 2025

Abstract:

Facing the demands of national governance in the New Era (an era of national advancement), this article elucidates the requirements for a scientific, suitable, effective, and efficient national governance model. This stems from the major policies of the Communist Party of Vietnam aiming to transform Vietnam into a developed country within the next two decades. On that basis, the author recommends a national governance model that integrates elements of traditional socialist governance, the “developmental state” and “regulatory governance” for Vietnam.

Dẫn nhập

Đạt được những thành tựu quan trọng trong tiến trình đổi mới bắt đầu từ năm 1986, cho đến nay Việt Nam quyết liệt bước vào Kỷ nguyên mới (kỷ nguyên vươn mình của dân tộc) để trở thành một nước phát triển nhân dịp 100 năm thành lập nước trên cơ sở xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và lấy phát triển kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của sự phát triển.

“Tứ trụ Nghị quyết”¹⁾ của Bộ Chính trị đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, phương thức và giải pháp thực hiện chủ trương này do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo tiến hành trên cơ sở làm rõ thực trạng chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Vấn đề đặt ra là không thể thực hiện được chủ trương lớn này nếu không xác định được một mô hình quản trị quốc gia khoa học, thích hợp và hiệu lực, hiệu quả nhằm tới việc thực hiện.

¹⁾ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/12/2024; Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/1/2025; Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/4/2025; và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 04/5/2025.

Những câu hỏi lớn xuất phát từ đó cần có câu trả lời bao gồm: Mô hình quản trị quốc gia hiện tại của Việt Nam như thế nào, có những điểm thiếu thích hợp gì, và hiện có những đòi hỏi gì về sự biến đổi trong tương lai gần? Và mô hình mới về quản trị quốc gia của Việt Nam nên như thế nào?

1. Đòi hỏi về quản trị quốc gia ở Việt Nam

“Quản trị” (Governance) nói chung là một thuật ngữ có nghĩa rộng lớn chỉ ra các cách thức khác nhau mà đời sống xã hội được sắp xếp, phối thuộc². Tuy nhiên “quản trị” không chỉ được sử dụng để nói tới sự tác động đến quốc gia, tức “quản trị quốc gia” (national governance), mà còn nói tới cả sự tác động đến các tổ chức khác, ví dụ như “corporate governance” (quản trị công ty) hoặc nói tới cả sự tác động vào các đối tượng ở quy mô toàn cầu, ví dụ như “global governance” hoặc liên quan tới sự tác động đến một đối tượng cụ thể, ví dụ như “AI governance”... Sự phân biệt này khác với nhận thức mà được một học giả Trung Quốc bộc lộ rằng: “Sự phân biệt về ngữ nghĩa giữa “governance” và “national governance” mang ý nghĩa quan trọng về mặt khái niệm, trong đó thuật ngữ sau phản ánh bản chất nội tại cũng như những đòi hỏi thực tiễn của mô hình quản trị quốc gia phối hợp tại Trung Quốc” và xem “quản trị quốc gia” là linh hồn của “quản trị” bởi cấp cho “quản trị” thể chế, tổ chức, tài nguyên và hệ tư tưởng³.

Thuật ngữ “quản trị” rất hiếm được bắt gặp cho đến khi được World Bank sử dụng

trong Bản báo cáo năm 1989 với nhan đề “*Sub Saharan Africa: From Crisis to Sustainable Growth*”, và sau đó được định nghĩa trong “*Governance and Development*”⁴ như sau: “Cách thức mà quyền lực được thực thi trong việc quản lý các nguồn lực kinh tế và xã hội của một quốc gia nhằm phục vụ cho phát triển”⁵. Định nghĩa này nhằm nói tới ba nhóm nội dung chủ yếu của quản trị, bao gồm: (i) Hình thức của chế độ chính trị; (ii) Quy trình mà theo đó quyền lực được thực thi trong quản lý các nguồn lực kinh tế và xã hội của quốc gia cho mục tiêu phát triển; và (iii) Năng lực của Chính phủ trong việc thiết kế, công thức hóa và thực thi chính sách cũng như thực hiện các chức năng⁶. Ở nghĩa rộng hơn, chính quyền có thể được xem là một trong những tổ chức bao gồm trong quản trị, tức là có thể có quản trị mà không có chính quyền⁷. Nghĩa chung nhất của quản trị là như vậy. Gắn với định nghĩa này, theo mục đích hoạt động của mình, World Bank đưa ra định nghĩa “good governance” (thịnh trị) là quản lý phát triển lành mạnh⁸.

“Quản trị quốc gia” là một thuật ngữ dùng để chỉ một phức hợp các yếu tố bao gồm cơ cấu tổ chức có tính hệ thống hay thể chế, quy trình vận hành hệ thống, xây dựng năng lực hệ thống, và phương thức tác động tới chính trị, kinh tế, xã hội trong một cộng đồng chính trị nhất định. Quản trị quốc gia bao gồm trong nó tính hợp pháp của chính quyền, tính Nhà nước pháp quyền, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản lý nhà nước. Ngay khi thiết lập mô hình quản trị riêng biệt, tức mô hình

²) Andrew Heywood, *Key Concepts in Politics*, MacMillan Press LTD, New York, 2000, p. 19.

³) Taijun Jin, Zhenbo Zhang, “*Historical Lessons and Practical Rationale of National Coordinated Governance in China*” (pp. 107-129), *Journal of Asian Governance*, Volume 2 Issue 1 March 2025, pp.108-109.

⁴) World Bank- Development in Practice, *Governance - The World Bank's Experience*, A World Bank Publication, Washington D.C, 1994, p. XIV.

⁵) World Bank, *Governance and Development*, A World Bank Publication, Washington D.C, 1992, p.1.

⁶) World Bank- Development in Practice, *Ibid*, p. XIV.

⁷) Andrew Heywood, *Key Concepts in Politics*, MacMillan Press LTD, New York, 2000, p. 19.

⁸) World Bank, *Ibid*, p.1.

“National Coordinated Governance” (quản trị quốc gia phối hợp), Trung Quốc cũng nhấn mạnh tới “political legitimacy”⁹ (tính hợp pháp chính trị hay tính chính đáng chính trị hay tính chính danh chính trị), tức là sự bằng lòng của dân chúng về quyền được cai trị của người cai trị. Có thể hiểu theo nghĩa pháp lý, dân chúng cấp hiệu lực cho quản trị quốc gia thông qua ủy quyền bởi Hiến pháp. Tuy nhiên, Hiến pháp không phải là nơi chứa đựng đầy đủ mô hình quản trị quốc gia.

Ngày nay quản trị quốc gia có vai trò rất quan trọng trong việc đặt ra các yêu cầu xây dựng nền tảng thể chế và tạo ra tính chính danh hay tính hợp pháp trong mối quan hệ giữa người cai trị và người bị trị; bảo đảm hiệu quả của chính sách công (trong cả thiết kế, quyết định và thực thi); thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; phân phối công bằng; bảo đảm ổn định xã hội; và phát triển bền vững...

Vậy mô hình quản trị quốc gia hiện tại của Việt Nam như thế nào, và có sự biến đổi gì trong tương lai?

Đây là hai câu hỏi rất khó trả lời vì: *trước hết*, người trả lời ở Việt Nam thường phải suy nghĩ tới việc có “thẩm quyền trả lời” không; và *thứ hai*, người trả lời khó có thể có được đầy đủ thông tin, tài liệu để luận chứng cho nhận định của mình bởi những chế độ bảo mật thông tin hay những khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.

Có lẽ nên bắt đầu trả lời hai câu hỏi trên từ một câu chuyện thực tế. Mục điểm báo sáng

ngày 01/6/2025 trên VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam có đưa thông tin về mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội rằng: Cho đến năm 2030 Việt Nam cần phải có khoảng 2 triệu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay Việt Nam đang có khoảng trên 5,2 triệu hộ kinh doanh¹⁰. Thông tin này có điểm giống với cách tiếp cận thuật ngữ “doanh nghiệp” và “hộ kinh doanh” trong những câu trả lời của một chính khách có trách nhiệm trước Quốc hội trong kỳ họp vừa qua và có lẽ được trích ra từ một nguồn chính thống nào đó mà có thể là từ một bài trình bày mới đây của Thủ tướng¹¹. Về bản chất, “hộ kinh doanh” và “doanh nghiệp tư nhân” đều là cá nhân kinh doanh, tức là thương nhân thể nhân trong sự phân biệt với thương nhân pháp nhân (công ty). Vì vậy, có thể nói việc đặt ra mục tiêu phát triển doanh nghiệp như trên nằm ngoài tư duy quản trị quốc gia đích thực để chỉ chạy theo thuật ngữ “doanh nghiệp” và “hộ kinh doanh” bị các đạo luật sử dụng thiếu cân nhắc tới tính hệ thống và cấu trúc bên trong của pháp luật trong khoảng hơn ba thập kỷ qua.

Tuy nhiên, câu chuyện này lại thể hiện hai vấn đề lớn về quản trị quốc gia ở Việt Nam:

Thứ nhất, Nhà nước là chủ thể quản trị quốc gia duy nhất và chỉ căn cứ vào “hard law” (luật cứng) trong hoạt động quản trị.

Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Việt Nam tuyên bố: “Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng,

⁹ Taijun Jin, Zhenbo Zhang, “Historical Lessons and Practical Rationale of National Coordinated Governance in China” (pp. 107-129), Journal of Asian Governance, Volume 2 Issue 1 March 2025, p. 121.

¹⁰ Thủy Trương, Vì sao hơn 5,2 triệu hộ kinh doanh “mãi không chịu lớn”?, <https://vnexpress.net/vi-sao-hon-5-2-trieu-ho-kinh-doanh-mai-khong-chiu-lon-vnpre-4867824.html>, truy cập ngày 31/3/2025.

¹¹ Phạm Minh Chính, Chuyên đề 1: “Nội dung trọng tâm, cốt lõi của Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết”, Hà Nội, ngày 18/5/2025 (xem điểm 2, Mục II); xem Hoàng Thu Trang, Nghị quyết số 68-NQ/TW - Bước ngoặt lịch sử cho kinh tế tư nhân Việt Nam, <https://baochinhphu.vn/ngghi-quyet-68-nq-tw-buoc-ngoat-lich-su-cho-kinh-te-tu-nhan-viet-nam-10225050823092803.htm>, truy cập ngày 10/05/2025.

điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất” (điểm 1, Mục III). Tuyên bố này gần như bao trùm toàn bộ nội dung của quản trị quốc gia, và đồng thời ấn định phương thức quản trị cho Nhà nước. Vì vậy, Hiến pháp năm 2013 khẳng định tại Điều 4 rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam “là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (khoản 1). Và “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” (khoản 1 Điều 8 Hiến pháp năm 2013).

Như đã biết, “Pháp luật xã hội chủ nghĩa là sự thể chế hóa các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, của giai cấp công nhân”¹² hay “Pháp luật là hình thức thể hiện đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam”¹³. Do đó, nói hoặc đưa kiến nghị theo đúng pháp luật là nguyên tắc quản trị quốc gia quan trọng nhất mà các cán bộ, công chức Việt Nam luôn tự ý thức và cứ như vậy mà hành động. Đây có thể là một khó khăn cho việc tiếp cận mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển” như hằng mong muốn ở Việt Nam? Đồng ý rằng, công chức trong định chế “quan liêu” hay “hành chính công” phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Song cần phải đặt vấn đề rằng: Đòi hỏi về một nền hành chính phục vụ có khác biệt gì so với đòi hỏi về một nền hành chính trong “Nhà nước tối thiểu”?

Thứ hai, thiếu sự gắn kết giữa các dạng quản trị trong quản trị quốc gia.

Ngoài những quy định của “hard law” điều chỉnh, các dạng quản trị khác, như quản

trị công ty, quản trị AI..., còn phải xem xét đến việc thực hiện “soft law” (luật mềm), ví dụ điển hình rất được chú ý tới hiện nay là các nguyên tắc đạo đức, tiêu chuẩn kỹ thuật, bộ quy tắc ứng xử, hướng dẫn thực hành, các tuyên bố và khung quy tắc quốc tế về AI.

Với hai vấn đề lớn này, rất khó có thể nói quản trị quốc gia ở Việt Nam theo mô hình nào hoặc đã xây dựng được một mô hình riêng. Dù cũng theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng quản trị quốc gia ở Việt Nam không hoàn toàn giống quản trị quốc gia ở Trung Quốc.

Khoảng gần một thập kỷ nay, chúng ta luôn nói tới “Nhà nước kiến tạo phát triển”. Tuy nhiên, hầu như khái niệm này chưa được hiểu rành mạch và thống nhất nói chung, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Thậm chí có giải thích cho rằng: “... *Nhà nước kiến tạo phát triển không phải là một kiểu nhà nước mới, mà chỉ là mô hình nhà nước có sự kết hợp giữa hai loại hình nhà nước: Nhà nước điều tiết (regulatory state) với hệ thống kinh tế tư bản thị trường tự do (a free market capitalist economic system), đề cao thị trường và sở hữu tư nhân, can thiệp không toàn diện; có sự lựa chọn của Nhà nước và Nhà nước xã hội chủ nghĩa truyền thống (traditional socialist state) với hệ thống kinh tế kế hoạch tập trung (a centrally planned economic system), nhấn mạnh sự chỉ huy và định hướng kế hoạch phát triển*”¹⁴. Về đại thể, “Nhà nước kiến tạo phát triển” (developmental state) thường được hiểu là Nhà nước đóng vai trò chủ động trong việc định hướng, hỗ trợ, kết nối và kiểm soát khu vực kinh tế tư nhân nhằm phát triển kinh tế (công nghiệp hóa, công nghệ), nhưng không chỉ hướng tới xây dựng một Nhà nước mạnh,

¹² Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Tái bản lần thứ 8 có sửa đổi, bổ sung, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2024, tr. 238.

¹³ Hoàng Thị Kim Quê, *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 346.

¹⁴ Mai Thị Hồng Liên, *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận và triển vọng thực tiễn ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2019, tr. 42.

mà còn chú trọng tới xây dựng chính sách và quản lý hành chính giúp tư nhân phát triển. Trong khi đó, Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn khẳng định ở Việt Nam “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” (điểm 1, Mục III).

Cho đến nay, ở Trung Quốc, các học giả cũng có các lý giải khác nhau về mô hình quản trị quốc gia của nước này thông qua những ngôn từ được sử dụng để gọi tên chúng và cũng đã thể hiện phần nào sự thiếu thống nhất trong việc xác định mô hình. *Chẳng hạn*: (1) Tiếp cận từ sự cần thiết của “thịnh trị” (good governance) cho việc cải thiện các điều kiện sống giúp cho công dân tiếp cận một cách tự do và công bằng tới các phương tiện sống căn bản (basic means of life), Shakeel Ahmad Ramay and Aimen Babur sử dụng thuật ngữ “the typical socialist governance model” (mô hình quản trị xã hội chủ nghĩa điển hình) tập trung vào “political meritocracy” (tinh hoa chính trị), tức mô hình xã hội chủ nghĩa cá nhân hóa (personalized socialist model)¹⁵; và (2) Thuật ngữ “China’s state governance” được Xu Xianglin (một nhà chính trị học) sử dụng để mô tả mô hình quản trị quốc gia của Trung Quốc với định nghĩa “là một quá trình mà thông qua đó quyền lực cao nhất của quốc gia kiểm soát và quản lý xã hội được thực hiện bởi các cơ quan hành chính, lập pháp, tư pháp và được phân tán giữa các nhà chức trách quốc gia và địa phương”¹⁶ dựa trên triết lý về sự ủy quyền hợp pháp liên tục từ trên xuống dưới¹⁷.

Đứng trước những thách thức to lớn của

thời đại và thực trạng kinh tế, xã hội của Việt Nam, quyết tâm đưa Việt Nam tới “Kỷ nguyên mới”- kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành một cuộc cải cách vô cùng to lớn có tính cách mạng mà trong đó không thể không làm thay đổi tận gốc vấn đề quản trị quốc gia.

“Tứ trụ Nghị quyết” của Bộ Chính trị đã chứa đựng những chủ trương và quyết sách có tính cách mạng đó. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm nhấn mạnh bốn Nghị quyết quan trọng này do Bộ Chính trị ban hành là những trụ cột thể chế nền tảng, tạo động lực mạnh mẽ đưa Việt Nam tiến lên trong kỷ nguyên mới¹⁸. Các nghị quyết này bao gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.

Các Nghị quyết này không đề cập trực tiếp tới mô hình quản trị quốc gia và thậm chí không nói tới thuật ngữ “quản trị quốc gia”, nhưng trong đó lại phác họa những nét lớn và định hình cho quản trị quốc gia của Việt Nam trong “Kỷ nguyên mới”. Thời nay, nhiều nhà chính trị học cho rằng: Chúng ta đang sống trong “thời kỳ hoàng kim của điều tiết” như đã từng được nhận định trước đó rằng “các kế

¹⁵ Shakeel Ahmad Ramay and Aimen Babur, *Governance and development model of China*, Sustainable Development Policy Institute, JSTOR, 2020, p. 2.

¹⁶ Xem: Zhili Bai and Juan Liu, “China’s governance model and system in transition” (pp. 65- 82), *Journal of Contemporary East Asia Studies*, 2020, VOL. 9, NO. 1, p. 65.

¹⁷ Zhili Bai and Juan Liu, *Ibid*, p. 66.

¹⁸ Xem: Báo điện tử Chính phủ, *Tổng Bí thư Tô Lâm: Bốn Nghị quyết đột phá là “Bộ tứ trụ cột” đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-bon-nghi-quyet-dot-pha-la-bo-tu-tru-cot-dua-dat-nuoc-buoc-va-ky-nguyen-moi-102250518122030271.htm>, truy cập ngày 18/05/2025.

hoạch cuộc đời của chúng ta thường xuyên bị cản trở bởi vô số quy tắc lớn nhỏ, đến mức mà chính ý tưởng về một kế hoạch sống độc lập khỏi các quy tắc trở nên hầu như không thể tưởng tượng được”¹⁹. Nhận định này lại rất phù hợp với những nguyên tắc quản trị quốc gia lớn nhất của Việt Nam đã được “tứ trụ Nghị quyết” đặt ra.

Nghị quyết số 68-NQ/TW xác định nguyên tắc nền tảng cho phát triển tổng thể của đất nước trong kỷ nguyên mới là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trong đó kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Gắn với chủ trương quan trọng bậc nhất này là những vấn đề pháp lý mấu chốt được Nghị quyết này nói tới, đó là: (1) Bảo vệ quyền tư hữu (tức “bảo đảm đầy đủ quyền sở hữu tài sản”); (2) Bảo đảm quyền tự do kinh doanh; (3) Xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng; (4) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thương nhân; và (5) Bình đẳng trong tiếp cận vốn, tài nguyên, công nghệ, nhân lực, và dữ liệu.

Nghị quyết vạch ra những nét lớn của một mô hình quản trị quốc gia trên nền tảng pháp lý nói trên, bao gồm:

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng;

Thứ hai, Nhà nước kiến tạo phát triển (dù Nghị quyết chỉ nhắc tới “kiến tạo của Nhà nước”);

Thứ ba, đa chủ thể quản trị mà trong đó thương nhân có vai trò trung tâm;

Thứ tư, vai trò của “luật mềm”.

Vấn đề quan trọng nhất đối với phát triển kinh tế tư nhân ở các nước theo con đường

xã hội chủ nghĩa đã được Nghị quyết đưa ra - đó là một cam kết bảo đảm coi trọng lâu dài kinh tế tư nhân bằng cách gắn nó với các chiến lược, chính sách phát triển lâu dài trong mọi lĩnh vực không chỉ kinh tế, xã hội, mà còn cả quốc phòng, an ninh và chính trị quốc tế. Tuy nhiên, về mặt lý luận, Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn nhấn mạnh rằng: “Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc” (điểm 1, Mục II).

Trên thực tế, cải cách tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam gần đây cho thấy, Đảng và Nhà nước ta mong muốn xây dựng một mô hình quản trị được áp dụng thống nhất trong cả nước. Quản trị như vậy khác biệt không nhỏ so với mô hình “quản trị quốc gia phối hợp” (national coordinated governance) phát triển ở Trung Quốc. Theo mô hình quản trị này của Trung Quốc, các chủ thể quản trị áp dụng các chiến lược quản trị phân hóa được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh địa phương dựa trên điều kiện, nguồn lực sẵn có, cũng như những khác biệt giữa các vùng miền, giữa các chủ thể và giữa các đối tượng quản trị khác nhau²⁰. Ngoài nguyên tắc lãnh đạo của Đảng Cộng sản và yêu cầu áp dụng thống nhất pháp luật trong toàn quốc giống như ở Việt Nam, có thể thấy rõ tính đa dạng trong quản trị quốc gia được phát triển ở Trung Quốc với những suy tính nhằm đạt được một hình thức quản trị hài hòa, có trật tự và hiệu quả trong một quốc gia phức tạp như Trung Quốc và coi đó là con đường hữu hiệu để giải quyết tình trạng phát

¹⁹ David Levi-Faur, “Regulation & Regulatory Governance” (pp. 1 - 47), Jerusalem Papers in Regulation & Governance, Working Paper No.1 February, 2010, ISSN: 2079-5882, p. 3.

²⁰ Taijun Jin, Zhenbo Zhang, “Historical Lessons and Practical Rationale of National Coordinated Governance in China” (pp. 107-129), Journal of Asian Governance, Volume 2 Issue 1 March 2025, p.108.

triển không đồng đều trên toàn quốc, duy trì sự thống nhất quốc gia, thiết lập ổn định và trật tự xã hội, cũng như thúc đẩy phát triển bền vững của đất nước²¹. Đó là những điểm khác biệt giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Qua những phân tích trên có thể thấy, mô hình quản trị quốc gia sắp tới của Việt Nam ít nhất được đan xen giữa các yếu tố của ba mô hình, đó là: (1) Mô hình quản trị quốc gia xã hội chủ nghĩa truyền thống; (2) Mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển”; và (3) Mô hình “quản trị quốc gia điều tiết”.

2. Kiến nghị xây dựng mô hình quản trị quốc gia ở Việt Nam nhằm bảo đảm cho sự phát triển kinh tế tư nhân

Cuốn sách “Trung Quốc đã trở thành nước tư bản như thế nào” của Ronald Coase và Ning Wang do Nguyễn Văn Nhã dịch (Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2019) có đoạn viết: “Trong nỗ lực xây dựng nền kinh tế thị trường với đặc tính Trung Quốc vào cuối thế kỷ thứ XX, Trung Quốc, sau một thế kỷ rưỡi tự nghi ngờ và tự chối bỏ, đã quay trở lại hoàn toàn với nguồn cội văn hóa của họ bằng con đường tư bản chủ nghĩa”²². Thực tế, dưới con mắt của những nhà nghiên cứu chính trị, Trung Quốc là một minh họa cho “chủ nghĩa tư bản nhà nước” (state capitalism) - một khái niệm rộng về những nền kinh tế phối thuộc giữa vai trò thống trị của Nhà nước với sự tồn tại của thị trường và các công ty tư nhân (private firms), không chỉ xuất hiện ở Trung Quốc, Nga, mà còn ở Ấn Độ, Na Uy và Brazil²³. Thế nhưng, đặc điểm nổi trội về sự lãnh đạo của đảng cầm quyền và sự thống trị của Nhà nước trong nền kinh tế của Trung Quốc khiến một số tác giả

gán cho Trung Quốc một mô hình quản trị có tên gọi khá đặc biệt là “Chủ nghĩa tư bản đảng - nhà nước” (party-state capitalism)²⁴.

Các nghiên cứu ở trên cho thấy sự khó khăn trong việc xác định dứt khoát một mô hình phát triển hay một mô hình quản trị quốc gia cho một nước, bởi việc xác định đó phụ thuộc vào góc nhìn, những yếu tố lai ghép hoặc những đặc điểm riêng có của nước đó. Lựa chọn hay xây dựng mô hình quản trị quốc gia cần xem xét kỹ lưỡng tới các yếu tố nền tảng như truyền thống, “đặc điểm cứng về chính trị” (tức là những điểm không thể thay đổi trong một chế độ chính trị), thời điểm, mục tiêu phát triển... Tuy nhiên, có những nhận thức chung mà chúng ta khó có thể chối bỏ (ví dụ tính chính danh hay tính hợp pháp của chính quyền), mặc dù hiệu quả quản trị (governance efficiency) luôn phải được tính đến, nhất là trong “Nhà nước kiến tạo phát triển”.

Như trên đã nói, dù không rõ về mô hình quản trị quốc gia mà “tứ trụ Nghị quyết” của Việt Nam định xây dựng là gì, nhưng đã có những yếu tố quản trị theo những mô hình nổi trội được nhắc tới trong đó, đặc biệt là mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển”. Với mô hình này, hiệu quả quản trị được đề cao tối đa vì “tính chính danh” hay “tính hợp pháp” (legitimacy) của người cai trị không phải là vấn đề lớn ở Việt Nam do lịch sử để lại.

Sự lãnh đạo thành công vô cùng vẻ vang công cuộc giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam đã mang lại sự ủng hộ áp đảo của đại đa số nhân dân đối với Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo xây dựng nên, tức là Nhà nước có được quyền cai

²¹ Ibid.

²² Nguyễn Xuân Xanh, “Trung Quốc đã trở thành nước tư bản thế nào”, <https://rosetta.vn/nguyenxuanxanh/trung-quoc-da-tro-thanh-nuoc-tu-ban-the-nao/>, truy cập ngày 13/8/2025.

²³ Margaret Pearson, Meg Rithmire, and Kellee S. Tsai, “Party-State Capitalism in China” (pp. 207-213), *Current History*, September 2021, ISSN 0011-3530/ EISSN 1944-785X, p. 207.

²⁴ Ibid.

trị do sự bằng lòng của dân chúng. Đây là một lợi thế vô cùng quan trọng trong việc tập trung vào hiệu quả quản trị của Nhà nước kiến tạo phát triển. Tuy nhiên, duy trì sự bằng lòng của dân chúng luôn phải được đặt ra để có những giải pháp củng cố Nhà nước thích hợp, ví dụ như chống tham nhũng, chống lãng phí, nâng cao ý thức phục vụ của cán bộ, công chức...

Có lẽ bước vào thời kỳ đầu của công nghiệp hóa ở Việt Nam, mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển khá thích hợp bởi Nhà nước sẽ chủ động định hướng, kiến tạo, điều tiết và can thiệp hợp lý, cũng như sử dụng các công cụ như đầu tư công, quy hoạch và đặt ra các ưu đãi... Có một nghiên cứu đáng chú ý ở Việt Nam cho rằng: "...Nhà nước kiến tạo phát triển là một Nhà nước chủ động định hướng, Nhà nước đó không bị động, đứng ngoài thị trường, nhưng cũng không làm thay thị trường, mà chủ động thiết kế các chiến lược, quy hoạch, chính sách cũng như các ưu tiên tài chính, đầu tư nhằm dẫn dắt thị trường để thúc đẩy phát triển theo các mục tiêu, định hướng chính trị của mình"²⁵. Tuy nhiên, Nhà nước kiến tạo phát triển được xếp vào loại "quản trị cứng" (hard governance). Để bảo đảm hiệu quả quản trị, Nhà nước kiến tạo phát triển có thể thay thế thị trường khi cần thiết. Với các công cụ mạnh sẵn có trong tay bởi xuất phát từ một Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đủ sức để thay thế, có thể còn thay thế theo "quán tính", và như vậy mục tiêu lâu dài lớn hơn là phát triển lực lượng sản xuất thông qua phương thức "tư bản chủ nghĩa" khó có thể đáp ứng được. Nói "chủ nghĩa tư bản" ở đây không có nghĩa là phủ nhận chủ nghĩa xã hội, mà xem nó như một phương thức để phát triển

lực lượng sản xuất. Bản thân nhận thức của Việt Nam giờ đây về chủ nghĩa xã hội và về sự phân biệt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đã đổi khác, không còn máy móc như xưa. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã giải thích: "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"²⁶.

"Chủ nghĩa tư bản" ở đây được hiểu theo nghĩa thực chất là một nền tảng quan trọng để dẫn tới theo đuổi định hướng xã hội chủ nghĩa vì nó có thể giúp cho Việt Nam đạt được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Tuy nhiên, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam không xa rời nguyên tắc Đảng lãnh đạo.

Nói về chủ nghĩa tư bản (capitalism) thực chất là nói về một chế độ kinh tế dựa trên quyền tư hữu về tư liệu sản xuất và các thương nhân tìm kiếm lợi nhuận trên căn bản tự do ý chí trong điều kiện cạnh tranh. Đây chính là những điểm chính yếu mà Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã nhấn mạnh. Vì vậy, cần chú ý đến các yếu tố pháp lý quan trọng có tính chất nền tảng như:

²⁵ Mai Thị Hồng Liên, *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận và triển vọng thực tiễn ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2019, tr. 43.

²⁶ Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, <https://vietnamnet.vn/bai-viet-tong-bi-thu-ve-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-737210.html>, truy cập ngày 13/8/ 2025.

Thứ nhất, thừa nhận và bảo vệ quyền tư hữu;

Thứ hai, tự do ý chí;

Thứ ba, tự do kinh doanh; tự do làm giàu;

Thứ tư, kiểm soát cạnh tranh;

Thứ năm, điều tiết quan hệ lao động;

Thứ sáu, phát triển công nghệ;

Thứ bảy, tài chính công;

Thứ tám, bảo vệ các quan hệ xã hội bằng Luật Hình sự;

Thứ chín, giải quyết tranh chấp.

Đây là những vấn đề liên quan tới điều tiết. Vì vậy, yếu tố của mô hình quản trị quốc gia điều tiết cần phải được chú ý kết hợp. Bản thân Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị đòi hỏi phải chú ý tới yếu tố của mô hình quản trị này. Tại điểm 2 Mục III của Nghị quyết yêu cầu: “Bên cạnh những bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao cho Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”. Điểm này còn yêu cầu: “Phát huy đúng mức vai trò của đạo đức xã hội, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc tự quản cộng đồng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội”.

Trong mô hình quản trị quốc gia điều tiết, Nhà nước không trực tiếp sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ, mà tập trung vào hoạt động điều tiết thị trường và khu vực tư nhân. Các công cụ điều tiết chủ yếu là luật lệ, phát triển nhiều cơ quan độc lập (phi chính phủ) và thực thi chính sách công nhằm tới bảo đảm cạnh tranh công bằng, an toàn và minh bạch. Nguyên thủy mô hình này thuộc quản

trị cứng, nhưng giờ đây đã có sự biến đổi, sử dụng những hướng dẫn, khuyến cáo và đề ra các tiêu chuẩn thực hành giống như khu vực tư nhân, tức là đã mềm hóa quản trị. Các quy tắc mềm này rất quan trọng để điều tiết các dạng công nghệ mới như AI, tài sản ảo...

Hoạt động điều tiết trong thời đại ngày nay đòi hỏi sự linh động lớn nhất, bởi sự gia tăng phi thường của những công nghệ mới làm thay đổi phương thức giao tiếp của con người không chỉ trong hoạt động kinh tế, mà cả trong đời sống xã hội, chính trị, văn hóa - nghệ thuật... Người ta thấy có những khu vực cần điều tiết theo hướng thúc đẩy cạnh tranh, nhưng bên cạnh đó lại có những khu vực theo hướng điều tiết cản trở hay hạn chế cạnh tranh; điều tiết phục vụ lợi ích công bên cạnh điều tiết chủ yếu phục vụ cho lợi ích tư...

Quản trị điều tiết không phải chỉ xoay quanh việc ban hành ra các quy tắc ứng xử, bảo đảm thi hành và giám sát việc thi hành các quy tắc đó, mà còn có một phần công việc vô cùng quan trọng nữa - đó là sử dụng một cách có hiệu quả các công cụ điều tiết khác như chính sách thuế, sử dụng tài sản công, phân bổ tài nguyên, phân bổ chi phí (nhất là chi phí tuân thủ do các đối tượng chịu sự điều tiết phải gánh chịu), trợ cấp kinh tế, trợ cấp xã hội...

Tuy nhiên, có một điều kiện quan trọng luôn cần phải xét tới, đó là phải bảo đảm làm sao chi phí liên quan tới điều tiết phải nhỏ hơn giá trị mà điều tiết mang lại, vì điều tiết luôn có mục đích làm tăng hiệu quả và giảm thiểu hay kiểm soát rủi ro.

Từ đó, cần phải xây dựng một bộ nguyên tắc về quản trị điều tiết có thể là luật cứng hoặc luật mềm nằm ở cơ quan đầu não của quản trị điều tiết. Bộ nguyên tắc này có ý nghĩa dẫn dắt cho các hoạt động điều tiết được sử dụng bằng cách chỉ đạo hoạt động quản trị điều tiết ban hành và thi hành luật cứng. *Ví dụ:* Khi

xây dựng và chỉ đạo thi hành các đạo luật liên quan tới quản lý thuế thì luôn phải cân nhắc tới chi phí bỏ ra cho hoạt động thu thuế (quản lý khác) chiếm tỷ lệ bao nhiêu trên một đồng tiền thuế thu được; khi xây dựng đạo luật liên quan tới đăng ký thương mại (đăng ký kinh doanh) thì phải tính tới chi phí gia nhập thị trường của thương nhân đi đăng ký thương mại và chi phí cho việc tiến hành cũng như quản lý đăng ký thương mại, nhất là số lượng công chức được sử dụng cho hoạt động này. Vì vậy, để bảo đảm cho chi phí thấp mà mang lợi ích cao, đồng thời tránh những rủi ro pháp lý gây bất ổn cho xã hội, đầu não của quản trị điều tiết phải nghĩ tới nên giao việc tiến hành hay quản lý đăng ký thương mại cho cơ quan hay tổ chức nào, tức cơ quan nhà nước hay tổ chức phi chính phủ nào. Đồng thời đầu não quản trị điều tiết không thể không nghĩ tới nguyên tắc gì cần phải đặt ra cho thủ tục hay quy trình đăng ký thương mại (ví dụ: đăng ký để (1) bảo đảm công khai hóa và cấp bằng chứng ban đầu về việc người xin đăng ký trở thành thương nhân trên căn bản chỉ xem xét về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký thương mại; hay (2) xác nhận chính thức về thương nhân).

Việc đăng ký theo nguyên tắc (1) nói trên giúp các cơ quan công quyền tránh khỏi những rủi ro pháp lý, giảm tối đa chi phí, nhưng lại đòi hỏi phải tăng cường tư pháp về cả năng lực cũng như đạo đức.

Việc đăng ký theo nguyên tắc (2) nói trên cần chi phí và lượng biên chế nhân viên nhà nước rất lớn, rủi ro lớn...

Vậy, nếu trong bộ nguyên tắc quản trị điều tiết cần tăng cường nói chung về Nhà nước pháp quyền, thì “một công đôi việc” lựa chọn nguyên tắc (1) và giao luôn cho Tòa án tiến hành đăng ký thương mại với thủ tục đơn giản nhất (chủ yếu là công khai hóa, ghi chép vào sổ thương mại, cấp chứng chỉ đăng ký).

Tuy nhiên, để bảo đảm cho việc xây dựng và tuân thủ chính sách chung trong quản trị điều tiết, việc kết nối hệ thống qua mạng quản trị quốc gia không thể bỏ qua.

Ngoài ra, người ta có thể lựa chọn giao cho một tổ chức phi chính phủ (NGO) nào đó tiến hành hoạt động đăng ký thương mại trên căn bản một hợp đồng ký kết giữa tổ chức đó với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phương án này có thể giảm tối đa chi phí của Nhà nước, tuy nhiên phải quy định rõ ràng, minh bạch về giá phải trả cho dịch vụ đăng ký.

Trong việc xây dựng thị trường, điều tiết thường phải quan tâm lớn hơn, tức là quan tâm tới mô hình pháp luật, chứ ít là ngành luật. Ví dụ về Luật Kinh tế hay Luật Thương mại, để điều tiết xã hội người ta phải trả lời câu hỏi lớn nhất trong hoạch định pháp luật là ai được hưởng quyền lợi gì về thương mại.

Trả lời cho câu hỏi này, trước kia chúng ta có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp cao độ, mà tại đó chỉ có Nhà nước thông qua các “xí nghiệp công nghiệp quốc doanh” tự mình tiến hành các hoạt động kinh tế (bởi xí nghiệp công nghiệp quốc doanh chỉ có quyền quản lý nghiệp vụ đối với tài sản xã hội chủ nghĩa theo học thuyết của Lê nin) trong công nghiệp, và tập thể thông qua các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Tóm lại, chỉ có “xí nghiệp công nghiệp quốc doanh” và “hợp tác xã” là chủ thể của các quan hệ kinh tế theo mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

Trong nền kinh tế thị trường, trả lời cho câu hỏi trên, người ta dựa vào vấn đề ai là chủ thể của quyền nói chung (tức là chủ thể của pháp luật), vì vậy các thương nhân xuất hiện. Họ được chia thành hai loại lớn theo chủ thể của pháp luật - đó là thương nhân thể nhân (chính là các doanh nghiệp tư nhân và các hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay), và thương nhân pháp nhân (chính là các công ty).

Đó là những ví dụ về hoạt động điều tiết theo mô hình quản trị quốc gia điều tiết. Có thể có quan điểm cho rằng quản trị điều tiết ở Việt Nam không thể xem xét đơn thuần một chế độ quản trị điều tiết lấy Nhà nước làm trung tâm, mà phải xem đây là một chế độ quản trị điều tiết lấy quyền lực chính trị làm trung tâm vì “Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (khoản 1 Điều 4 Hiến pháp năm 2013). Thực tế bốn Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị ban hành gần đây là sự dẫn dắt toàn bộ dân tộc Việt Nam vào “Kỷ nguyên mới” - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc do Đảng Cộng sản đề xướng và lãnh đạo. Toàn bộ định hướng điều tiết, nội dung điều tiết, phương pháp và phạm vi điều tiết đều được các Nghị quyết quan trọng bậc nhất này quy định.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước qua các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, và nay xây dựng đất nước. Vì vậy, chỉ có quyền uy của Đảng Cộng sản Việt Nam mới có thể đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới. Điều này đã được thế giới thừa nhận và được chứng minh qua vai trò quyết định của người lãnh đạo cao nhất của Đảng (Tổng Bí thư) khi thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc kể cả Hoa Kỳ. Bên cạnh Đảng Cộng sản còn có nhiều tổ chức phi nhà nước tham gia vào quá trình điều tiết như Mặt trận Tổ quốc, các hội và các hiệp hội. Những tổ chức này có vai trò khá lớn trong các hoạt động kinh tế, xã hội trong khu vực tư nhân. Tuy nhiên, chế độ điều tiết ở Việt Nam không thể được xem là một chế độ quản trị điều tiết lấy xã hội làm trung tâm. Về thực chất, có lẽ đại bộ phận dân chúng cho rằng, các tổ chức này, trừ Đảng Cộng sản, được xem là “cánh tay nối dài của Nhà nước” vì: *trước hết*, các tổ

chức này hoạt động nhờ vào ngân sách Nhà nước là chủ yếu; và *thứ hai*, các tổ chức này có nhiệm vụ vận động quần chúng tuân theo hay ủng hộ các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, Việt Nam đang phát huy vai trò của các nhân tố xã hội trong phát triển kinh tế bằng cách khuyến khích hành động với khẩu hiệu “công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm”. Nhưng ngược lại, có một sự khuyến khích không chính thức về “bất tác vi” (không hành động) từ phía Nhà nước trong một số lĩnh vực, tức là bất can thiệp với khẩu hiệu “các cơ quan công quyền chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép”. Đây là sự thay đổi quan trọng trong phương thức quản trị quốc gia từ việc lấy Nhà nước làm trung tâm sang người dân làm trung tâm.

Kết luận

Không có được một mô hình quản trị quốc gia khoa học, thích hợp và hiệu lực, hiệu quả thì chắc chắn các mục tiêu của Kỷ nguyên mới (kỷ nguyên vươn mình của dân tộc) khó có thể đạt được. Là một nước đi sau và có nhiều “đặc điểm cứng” về chính trị, nên việc tự xây dựng cho mình một mô hình quản trị quốc gia hoàn toàn riêng biệt là khó có thể tiến hành một cách nhanh chóng và có thể có nhiều rủi ro. Tuy nhiên, việc lựa chọn một mô hình cụ thể đã được áp dụng thành công ở một quốc gia nào đó để áp dụng tại Việt Nam cũng khó có thể trở nên thích hợp do hoàn cảnh, điều kiện và thời điểm lịch sử khác nhau. Trên căn bản các quan điểm “chính trị cứng”, các điều kiện và hoàn cảnh thực tế của Việt Nam hiện nay và chủ trương phát triển lớn của Việt Nam, các yếu tố của quản trị quốc gia theo mô hình xã hội chủ nghĩa truyền thống, của “Nhà nước kiến tạo phát triển”, của “quản trị quốc gia điều tiết” nên được cân nhắc kết hợp nhuần nhuyễn ■